

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1685/QĐ-UBND

Việt Trì, ngày 19 tháng 6 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

V/v Duyệt định mức hỗ trợ mô hình khuyến nông - lâm - ngư và hỗ trợ phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2008 - 2010 tỉnh Phú Thọ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 20/2007/QĐ-TTg ngày 05/02/2007 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 102/2007/TTLT/BTC-BLĐTBXH ngày 20/8/2007 của Bộ Tài chính - Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội; Thông tư số 78/2007/TT-BNN ngày 11/9/2007 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; Thông tư số 23/2007/TT-BTC ngày 21/3/2007 của Bộ Tài chính; Thông tư số 127/2007/TT-BTC ngày 31/10/2007 của Bộ Tài chính;

Căn cứ các Quyết định của Bộ Nông nghiệp và PTNT: số 216/QĐ-BNN-KHCN ngày 26/01/2007, số 3989/QĐ-BNN-KHCN ngày 14/12/2007;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 95/TT-SNN ngày 02/6/2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt định mức hỗ trợ mô hình khuyến nông - lâm - ngư và hỗ trợ phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2008 - 2010 tỉnh Phú Thọ (Chi tiết tại phụ biểu kèm theo).

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ngành: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động - Thương binh và Xã hội, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị; các ngành và đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thực hiện.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Kim Hải (Đã ký)

PHỤ BIỂU SỐ 01: Định mức hỗ trợ mô hình khuyến nông - lâm - ngư
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1685/QĐ-UBND ngày 19/6/2008
của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ

Diễn giải	Đơn vị tính	Yêu cầu chương trình	Mức hỗ trợ	
			Hộ nghèo thuộc các xã khác	Hộ nghèo thuộc các xã nghèo
A - HỖ TRỢ VẬT TƯ:				
I - Trồng trọt				
<i>1. Lúa lai (tính cho 1 ha)</i>				
- Giống	kg	30	15	30
- Urê	kg	280	140	280
- Lân Supe	kg	560	280	560
- Kali Clorua	kg	200	100	200
- Thuốc BVTV	1.000đ	1.000	500	1.000
- Thuốc trừ cỏ	1.000đ	200	100	200
<i>2. Ngô lai (tính cho 1 ha)</i>				
- Giống	kg	20	10	20
- Urê	kg	350	175	350
- Lân Supe	kg	500	250	500
- Kali Clorua	kg	180	90	180
- Thuốc BVTV	1.000đ	500	250	500
<i>3. Đỗ tương (tính cho 1 ha)</i>				
- Giống	kg	60	30	60
- Urê	kg	100	50	100
- Lân Supe	kg	350	275	350
- Kali Clorua	kg	100	100	100
- Thuốc BVTV	1.000đ	500	250	500
- Vôi bột	kg	500	250	500